

MỘT SỐ KHÍA CẠNH PHÁP LÝ VỀ THƯƠNG MẠI TRONG MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ 4.0 Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Thân Thị Kim Nga³²

Tóm tắt: Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam bước vào kỷ nguyên của cuộc cách mạng 4.0 với những thuận lợi, khó khăn riêng mang tính đặc thù của mình. Điều quan trọng là Đảng, Chính phủ đã sớm nhận diện đưa ra những quyết sách, định hướng tạo lập các yếu tố nền tảng, tiền đề cho quá trình hội nhập khách quan này. Dĩ nhiên, với kết quả của cuộc cách mạng số hóa và trí tuệ nhân tạo chắc chắn sẽ có rất nhiều biến đổi về tư duy và cấu trúc phương diện sống của xã hội của con người trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng. Bài viết này tập trung kiến giải những khía cạnh pháp lý có liên quan đến phát triển thương mại trong môi trường công nghệ 4.0 ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: cách mạng 4.0, thương mại, công nghệ

Abstract: As a developing country, Vietnam entered The Fourth Industrial Revolution with its advantages and disadvantages. It is important that the Communist Party and the Government made decisions early and create the foundation elements for this process of objective integration. The results of the digital revolution and artificial intelligence will cause change in thinking and structure of people's social aspect in the fields of economy, politics, security and defense. This article analyze the legal matters which is related to commercial and scientific development 4.0 in Vietnam.

Key words: revolution 4.0, commerce, technology

1. Những thách thức và hạn chế từ thực tiễn môi trường công nghệ 4.0

Thuật ngữ “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư” hay còn gọi là công nghiệp 4.0 đã được giáo sư Klaus Schwab - Chủ tịch Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), sử dụng trong quyển sách của ông trước Hội nghị thượng đỉnh của WEF năm 2016. Trên thực tế, các lĩnh vực biến đổi lớn trong công nghệ dựa trên số hóa về qui trình sản xuất và sự kết nối đa chiều trên một số lĩnh vực chính gồm: Công nghệ thông tin - truyền thông; vật lý; sinh học và năng lượng. Điểm nhấn công nghệ ở các nhóm này cụ thể không chỉ liên quan chặt chẽ với nhau mà có mối liên hệ tương tác với các lĩnh vực công nghệ khác để tạo nên sự tích hợp lợi ích dựa vào những khám phá và tiến bộ của từng nhóm.

³² Thạc sỹ - Giảng viên Khoa Luật, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

Giai đoạn phát triển công nghiệp 4.0 với những ứng dụng công nghệ mới nhất, tiên tiến nhất sẽ nhanh chóng tạo khả năng nâng cao mức thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân. Sự vượt trội của công nghệ đã đem lại hệ thống cung ứng dịch vụ đa chiều đã làm thỏa mãn nhu cầu cuộc sống cá nhân, cộng đồng từ quá trình phát triển thương mại theo hướng phục vụ tối ưu cho con người, hạn chế các rào cản truyền thống. Nhìn chung, hầu hết mọi hoạt động sống của xã hội con người hiện đại đều có thể được thực hiện thông qua kết nối, điều khiển thông minh từ xa đối với mạng internet trên toàn cầu. Mặt khác, sáng tạo công nghệ cũng sẽ dẫn đến sự thay đổi lớn từ phía nguồn cung, với những lợi ích lâu dài về hiệu quả, năng suất, chi phí đầu tư thương mại sẽ giảm xuống, hậu cần và các chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ trở nên hiệu quả hơn và nó sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Theo các nhà khoa học pháp lý, các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử đã tạo tiền đề, nền tảng cho tư duy xây dựng, điều chỉnh pháp luật tương ứng. Lịch sử phát triển của nhân loại đã thực chứng, về mặt thực tế sự phát triển của hệ thống pháp luật đã ghi nhận các quyền, nguyên tắc tự do, bình đẳng, công bằng của con người, của quốc gia, dân tộc cũng như nguyên tắc pháp quyền trong cơ chế bảo vệ hệ thống quyền cơ bản đó. Điều đó thể hiện ở chính sách pháp luật, hệ thống pháp luật thực định phải xử lý phù hợp về mối tương quan giữa các winner và loser trên thực tế.⁽¹⁾ Với hơn 90% là doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay thì phần lớn vẫn đang sử dụng công nghệ lạc hậu so với mức trung bình của thế giới từ hai đến ba thế hệ, có đến 76% máy móc, dây chuyền công nghệ nhập khẩu thuộc thế hệ những năm 60-70 của thế kỷ trước; 75% số thiết bị đã hết khấu hao; 50% thiết bị là đồ tân trang...; chỉ có 20% là nhóm ngành sử dụng công nghệ cao³³. Tuy nhiên, xét một cách tổng quan trở ngại lớn nhất đối với sự phát triển công nghệ trong kinh doanh thương mại ở nước ta chủ yếu tập trung ở mấy khía cạnh sau:

- Tư duy đổi mới sẵn sàng cho đón đầu quá trình nhanh chóng hội nhập ở các doanh nghiệp, doanh nhân còn trì trệ, thậm chí một số nhóm chuyên ngành kinh doanh vẫn còn thờ ơ và thiếu sự chuẩn bị cho những giải pháp cận kề hoặc lâu dài của mình. Trong đó, đáng ngại nhất là việc xem nhẹ của phần lớn các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý chuyên ngành và người dân trong quá trình bảo vệ chống virus từ các phần mềm độc hại. Nhìn chung, chỉ số cải thiện tin học hóa quản lý hành chính nhà nước còn thấp và chênh lệch giữa thành phố lớn so với các địa phương vùng sâu, vùng xa.

- Nền tảng hạ tầng, cơ sở vật chất chưa được đầu tư một cách đồng bộ để có thể đảm bảo cho tổ chức, vận hành công nghệ thông suốt cho kinh doanh, thương mại điện tử và quản lý nhà nước trên các phương diện. Cũng có không ít một số đơn vị, địa phương trong đầu tư chậm trễ, cơ sở vật chất và các giải pháp công nghệ lạc hậu, thiếu đồng bộ nên khó vận hành qui trình kỹ thuật gây lãng phí, thất thoát vốn của nhà nước hoặc doanh nghiệp.

⁽¹⁾ Winner: được hiểu là người dẫn dắt sự phát triển; Còn Loser là người yếu thế, không có cơ hội tiếp cận sự phát triển

³³ Đổi mới công nghệ để doanh nghiệp cất cánh, trang điện tử Kinh tế và dự báo, ngày 25/10/2015.

- Nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin kinh doanh thương mại điện tử còn thiếu, năng lực hạn chế chưa lấp đầy khoảng trống thiếu hụt đặt ra từ đòi hỏi nhanh chóng của đời sống thực tiễn.

Chi thị 16/CT-TTg ngày 14/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ cũng chỉ rõ: “*Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với xu hướng phát triển dựa trên nền tảng tích hợp cao độ của hệ thống kết nối số hóa - vật lý - sinh học với sự đột phá của internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi căn bản nền sản xuất của thế giới. Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với đặc điểm là tận dụng một cách triệt để sức mạnh lan tỏa của số hóa và công nghệ thông tin. Làn sóng công nghệ mới này đang diễn ra với tốc độ khác nhau tại các quốc gia trên thế giới, nhưng đang tạo ra tác động mạnh mẽ, ngày một gia tăng tới mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, dẫn đến việc thay đổi phương thức và lực lượng sản xuất của xã hội*”. Như vậy, cách mạng công nghiệp 4.0 đã thực sự ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến đời sống pháp lý trên các phương diện như đối tượng, phạm vi, khuynh hướng và phương thức điều chỉnh pháp luật. Chính vì vậy, việc đổi mới tư duy pháp lý mà trực tiếp là tư duy xây dựng pháp luật là tiền đề, nền tảng cho quá trình tiến bước vào kỷ nguyên mới của thời đại 4.0 ở nước ta hiện nay. Nhìn nhận một cách tổng quan có thể thấy một số lĩnh vực điều chỉnh pháp luật trên thực tế ở nước ta như sau:

Thứ nhất, đối với pháp luật điều chỉnh lĩnh vực lao động và an sinh xã hội

Pháp luật về lao động ở nước ta đang trong quá trình hoàn thiện dần theo hướng bảo đảm tích cực về mọi mặt cho cả các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài cũng như người lao động và giá trị của kết quả lao động trên thực tế. Mặc dù vậy, khuôn khổ pháp lý về quan hệ lao động cần thiết phải được điều chỉnh hợp lý để bảo vệ người lao động cả đối với những hình thức việc làm mới, đặc biệt là về tham gia công đoàn, thương lượng và xác định tiền lương, giải quyết tranh chấp lao động. Hoàn thiện và tăng cường năng lực các thiết chế trong quan hệ lao động, đặc biệt là thiết chế đại diện, quản lý nhà nước phù hợp với những thay đổi của các hình thức việc làm mới trong bối cảnh CMCN 4.0. Có nhiều vấn đề sát sườn đối với thực tiễn quan hệ lao động chẳng hạn, dưới góc độ an sinh xã hội đang đặt ra ở đây là ai sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý (với tư cách là chủ sử dụng lao động) đối với các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội cho người lao động khi làm việc đồng thời cho nhiều chủ. Thị trường lao động đang có nhiều rủi ro cho người lao động nhưng cũng có thể làm cho người lao động bị thiệt thòi hoặc cả người lao động và giới chủ thỏa hiệp trốn tránh nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội. Bên cạnh đó cũng cần hóa giải được vấn đề thực tiễn làm thế nào để xác định được căn cứ hỗ trợ người lao động trong trường hợp thu nhập của họ bị biến động mạnh, mất thu nhập, cuộc sống khó khăn hoặc xác định được “mất việc không tự nguyện” trong trường hợp không có chủ sử dụng lao động trên thực tế. Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại những cơ hội mới cho nhiều người, song nó cũng làm tăng thách thức cho những người khác, với nguy cơ bất bình đẳng ngày càng tăng trong tiếp cận công việc và phát triển chất lượng và tiềm năng nghề nghiệp của họ. Cần nhiều hơn các chính sách để giúp người lao động nắm bắt những cơ hội mới và vượt qua những thách thức. Rủi ro do tác động của tự động hóa đến những cá nhân người lao động

sẽ khác nhau do đó việc đánh giá và hỗ trợ cho những người bị tác động sẽ mang tính cá nhân nhiều hơn và sẽ rất phức tạp và tốn kém. Do đó, chính sách an sinh xã hội phải được điều chỉnh để đảm bảo không chỉ bao phủ bộ phận người lao động có việc làm theo tiêu chuẩn truyền thống, mà còn cả những lao động làm việc theo các hình thức việc làm mới, phi tiêu chuẩn. Sửa đổi, bổ sung pháp luật về bảo hiểm xã hội theo hướng tiến tới thực hiện bảo hiểm xã hội toàn dân, bắt buộc tham gia đối với toàn bộ người lao động có việc làm, có thu nhập và tiền lương. Sửa đổi, hoàn thiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, chú trọng không chỉ các giải pháp xử lý hậu quả thông qua việc chi trả trợ cấp thất nghiệp, đào tạo đáp ứng yêu cầu của công việc mới, giới thiệu việc làm mà cần chú ý thỏa đáng đến các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng thất nghiệp thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp duy trì sản xuất kinh doanh, bảo đảm việc làm cho người lao động, chủ động đào tạo và đào tạo lại, đào tạo nâng cao, đào tạo để chuyển nghề.

Thứ hai, vấn đề kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội với các hệ thống cơ sở dữ liệu có liên quan nhằm phục vụ tốt công tác nghiên cứu, hoạch định và thực hiện chính sách, đảm bảo tính thân thiện, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Những tiến bộ về công nghệ cùng với chính sách tự do hóa thương mại cho phép các doanh nghiệp có thể quản lý, thực hiện nhiều chức năng một cách tập trung mà không cần phải có sự hiện diện của cơ sở tại địa phương đặt ra vấn đề về tính phù hợp trong việc xác định cơ sở thường trú của doanh nghiệp theo nguyên tắc đánh thuế tại nơi cư trú. Thực tế là phần lớn các tổ chức, cá nhân kinh doanh trong các lĩnh vực liên quan đến công nghệ tại Việt Nam không có hiện diện hoặc tiến hành đăng ký kinh doanh nên cơ quan nhà nước khó theo dõi, quản lý, xác định đối tượng. Đặc biệt là đối với loại hình quảng cáo trực tuyến, bán hàng qua mạng xã hội như thông qua Amazon, Alibaba, Facebook, Google, Zalo,... của các tổ chức, cá nhân hiện nay đang bùng phát nhanh chóng. Trong khi cơ quan quản lý lại thiếu chế tài đủ mạnh để tiến hành thu thuế kinh doanh khi phát sinh giao dịch và xử lý trách nhiệm pháp lý có liên quan.

Thương mại điện tử được hiểu là quá trình phân phối, marketing, bán và giao hàng hóa, dịch vụ bằng hay thông qua các phương tiện điện tử. Thương mại điện tử tích hợp được nhiều thông tin cho doanh nghiệp và người tiêu dùng, giúp cho các giao dịch thực tế trực tiếp, giảm thiểu các khâu trung gian và thanh toán nhanh chóng. Có nhiều phương tiện, phương thức cho thương mại điện tử như điện thoại, fax, thiết bị vô tuyến, Internet. Trong đó Internet là công cụ có vai trò cực kỳ quan trọng. Dưới góc độ pháp lý, thương mại điện tử có thể phát sinh những vấn đề phức tạp cần tính đến những giải pháp khả dĩ thích ứng như:

- Việc quảng bá thương hiệu, sản phẩm hàng hóa và các giao dịch thương mại điện tử trên thực tế rất khó thu thuế. Điều này do máy chủ thực hiện kênh truyền dẫn thông tin ở nước ngoài, việc đánh thuế với hãng có máy chủ như Zalo, facebook... hoặc các nhà kinh doanh quảng bá thông tin sản phẩm gặp khó khăn. Ngoài ra, một số giao dịch khai thác loại hàng hóa phi vật thể được số hóa như sách, đĩa CD, công trình công nghệ... cũng hầu như thực sự gặp khó khăn.

- Vấn đề bảo hộ bản quyền sở hữu trí tuệ, về nguyên lý, mọi sản phẩm tham gia thương mại điện tử đều có nguồn gốc xuất xứ, xác nhận bản quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm đó.

Pháp luật các nước đều có kênh bảo vệ thực thi luật sở hữu trí tuệ của mình khi nó hòa nhập vào thương trường một hoặc đa quốc gia. Tuy nhiên, việc xung đột bản quyền sở hữu trí tuệ từ quá trình sử dụng tên miền khai thác.

Thương mại điện tử có vai trò quan trọng trong sản xuất, kinh doanh hiện đại, nó là yếu tố bảo đảm cho các giao dịch thương mại được nhanh chóng thông suốt. Nhờ đó mà các hợp đồng kinh doanh thương mại đem lại hiệu quả kịp thời trên thương trường. Dưới góc độ pháp lý, sử dụng và phát triển thương mại điện tử cần quan tâm cả hai mặt đó là, phải là yếu tố bảo đảm thúc đẩy sự môi trường thương mại thuận lợi cả trong và ngoài nước. Ở đây, thương mại điện tử là phương tiện hữu ích giúp cho nhà sản xuất, kinh doanh, bảo đảm quá trình marketing, vận chuyển, bảo hành, bảo trì sản phẩm, thanh toán các hợp đồng... tiện lợi, nhanh chóng³⁴. Khía cạnh pháp lý có liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong marketing sản phẩm. Mặt khác, cần đảm bảo nguồn cung ứng hàng hóa chất lượng có thương hiệu quốc gia “make in Vietnam”. Những đòi hỏi này cần tích hợp cụ thể, chi tiết trong các hợp đồng thương mại dịch vụ: làm rõ những rủi ro và chế độ trách nhiệm pháp lý có liên quan, bảo đảm sự phát triển kinh tế tư nhân gắn với chuỗi giá trị và mở rộng sự liên kết vùng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quảng bá thương hiệu, chất lượng sản phẩm, giải quyết vấn đề phúc lợi xã hội trong đó trọng tâm về lợi ích, việc làm, thất nghiệp.

2. Một số hạn chế của pháp luật thực định ở Việt Nam hiện nay

Trước hết phải thừa nhận một thực tế là không thể có bất kỳ hệ thống pháp luật nào có thể nhanh chóng đáp ứng yêu cầu đảm bảo pháp lý cho sự chuyển đổi nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0. Điều này cũng có nghĩa là sự hạn chế, tồn tại của pháp luật thực định ở nước ta hiện nay là điều không thể tránh khỏi, thậm chí là rất nhiều lĩnh vực cụ thể khác nhau.

Một là, pháp luật thực định còn thiếu các qui định bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa mô hình kinh doanh truyền thống với kinh doanh áp dụng công nghệ 4.0 trong từng ngành cụ thể. Ở đây, rõ ràng ưu thế vượt trội của phương thức kinh doanh mới áp dụng công nghệ so với phương thức truyền thống về nhiều mặt như: đơn giản thủ tục; đáp ứng nhanh nhu cầu của khách hàng; giá cả thấp hơn nhiều và cụ thể, chính xác định mức thanh toán cũng như thời gian thực tế cần thiết cho thực hiện hợp đồng. Ví dụ, ưu thế trong lĩnh vực vận tải taxi của Grap, Be, Uver... đã dẫn đến sự chênh lệch khác biệt lớn về thu nhập, nghĩa vụ thuế so với các loại hình, phương thức kinh doanh truyền thống. Điều này nảy sinh xung đột cả về mặt nhận thức pháp lý và điều kiện thực tế giữa các bên đem đến sự khởi kiện kéo dài khó phân định. Vì vậy, pháp luật cần sớm bổ sung những quy định cụ thể để nhanh chóng giải quyết xung đột về lợi ích của các loại hình kinh doanh trong cùng một ngành cụ thể.

³⁴ Để hỗ trợ trong việc thiếu luật chi tiết áp dụng và bảo đảm tính thống nhất trong thực hiện, UNCITRAL (*Cơ quan của Liên hợp quốc chịu trách nhiệm việc thúc đẩy hài hòa và thống nhất thương mại quốc tế*) đã thông qua Luật mẫu về thương mại điện tử qui định từ năm 1996. Luật này đề ra các nguyên tắc và chuẩn mực trong việc xác nhận và công nhận các hợp đồng được hình thành và thực hiện bằng phương thức điện tử.

Hai là, các qui định pháp luật về sản xuất, kiểm định và quản lý chất lượng sản phẩm còn chưa đầy đủ hoặc còn mâu thuẫn ảnh hưởng đến thực tế bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng và doanh nghiệp. Đặc biệt là xác định rõ hơn nghĩa vụ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong hoạt động thương mại điện tử có liên quan đến kinh tế chia sẻ. Vì vậy, cần xem xét bổ sung các quy định làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan đối với người tiêu dùng trong các giao dịch liên quan tới kinh tế chia sẻ.

Ba là, ngoài qui định về quyền, nghĩa vụ trong kinh doanh pháp luật còn thiếu các quy định trách nhiệm xã hội hay là sự chia sẻ phần lợi ích với cộng đồng xã hội. Do quan hệ hợp đồng mới trong kinh tế chia sẻ là quan hệ “3 bên” nên các chính sách kèm theo cần xử lý được mối quan hệ này thay vì xử lý quan hệ giữa hai đối tác trong hợp đồng kinh tế như trước đây.

Bốn là, còn thiếu các quy định liên quan đến trách nhiệm của các doanh nghiệp cung cấp nền tảng như Uber, Alibaba, Amazon v.v... về cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý. Ví dụ, theo quy định của Bộ Công Thương, chỉ các trang web thương mại điện tử có tên miền Việt Nam thì mới phải kê khai thông tin trực tuyến, do vậy, hiện nay có tình trạng nhiều trang không có tên miền Việt Nam, phát sinh giao dịch tại Việt Nam lại không bị quản lý.

Năm là, về lĩnh vực thuế, đối với loại hình kinh doanh có đăng ký, bất kể là theo mô hình kinh tế chia sẻ hay theo mô hình kinh doanh truyền thống, Bộ Tài chính cũng có thể thu thuế đủ theo loại hình kinh doanh. Tuy nhiên, hiện nay đối với các doanh nghiệp có trụ sở ở nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam, có doanh thu tại Việt Nam, chỉ nộp được thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương thức dựa trên doanh thu do không quản lý được đầu vào ở bên nước ngoài và không có trụ sở thường trú tại Việt Nam. Do vậy, gây ra sự bất bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài. Khoảng trống về nghĩa vụ thuế của các loại công ty này trong kinh tế chia sẻ diễn ra tại Việt Nam cần được khắc phục.

Sáu là, còn thiếu hoặc chưa hoàn thiện các cơ chế, chính sách quản lý các giao dịch thanh toán điện tử xuyên biên giới để có thể giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thuế của các đối tác nước ngoài tham gia vào các hoạt động kinh doanh ở Việt Nam.

Bảy là, nhiều chính sách đưa ra còn chưa đồng bộ khi xử lý các hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế chia sẻ. Ví dụ, để dễ kiểm soát, Bộ Giao thông Vận tải quy định một xe chỉ được ký một hợp đồng với mục tiêu chính là ngăn chặn tình trạng xe dù, bến cóc. Tuy nhiên, nếu áp dụng quy định đó đối với loại xe vận tải hành khách trực tuyến theo hợp đồng thì không hợp lý vì trong Bộ Luật Dân sự cũng quy định không hạn chế quyền giao kết một hợp đồng hay hai hợp đồng trong quá trình vận tải.

Tám là, còn thiếu các chính sách về quản lý lao động, việc làm và an sinh xã hội đối với người lao động và chủ sử dụng lao động trong nền kinh tế chia sẻ bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong kinh tế chia sẻ.

Chín là, các quy định về an toàn thông tin cũng còn thiếu và cần bổ sung *đầy đủ*, tránh tình trạng như hiện nay khi thông tin bị mất lại chưa có chính sách quy định giải quyết vấn đề này cụ thể.

3. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật đáp ứng yêu cầu của môi trường công nghệ 4.0 ở nước ta hiện nay

Báo cáo Chính trị tại Đại hội XI xác định một số nhiệm vụ trọng tâm là: (1) Ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (2) Hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, chính quyền địa phương; đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp; thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; (3) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, áp dụng các hình thức thu hút đầu tư đa dạng, hấp dẫn để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực cho phát triển. Trên cơ sở xem xét các khuyến nghị mà Diễn đàn kinh tế thế giới đã đưa ra cho các quốc gia nói chung, Việt Nam cần chú ý đến các nội dung sau: (1) Đẩy nhanh tốc độ cơ cấu lại nền kinh tế; (2) Thúc đẩy thích nghi, áp dụng các công nghệ mới; (3) Nâng cao, cải thiện cơ sở hạ tầng số; (4) Củng cố nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng của lực lượng lao động để làm chủ các công nghệ mới đã được tiếp thu, áp dụng; (5) Khuyến khích, tạo điều kiện để khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia việc chuyển đổi, áp dụng Công nghệ 4.0; (6) Ban hành chiến lược thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; (7) Tăng cường hợp tác đa phương, hợp tác với các quốc gia trong khu vực. Theo đó, chúng tôi đồng tình với cách tiếp cận, nội dung cơ bản ý kiến của một học giả trong nước đã đưa ra trước đây, gồm:

Đối với pháp luật điều chỉnh quan hệ lao động, cùng với sự phát triển của Công nghệ 4.0 và kinh tế sáng tạo, lao động sáng tạo ngày càng chiếm vị trí chủ đạo trong lực lượng lao động xã hội. Cơ cấu lao động - xã hội làm tăng sức ép cho nhà nước, xã hội trong giải quyết vấn đề thất nghiệp và bảo trợ xã hội. Điều này đặt ra vấn đề cần nhìn nhận lại vai trò của các lực lượng lao động xã hội hiện đại, đặc biệt là giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức. Có hai khuynh hướng về cơ cấu lao động cần quan tâm về phương diện pháp lý: thành phần lực lượng lao động có hàm lượng tri thức cao ngày càng tăng chiếm tỷ lệ lớn dân số lao động xã hội; Ứng dụng thành tựu robot trí tuệ nhân tạo thay lao động sống bằng chân tay của người lao động ngày càng phát triển, phổ biến làm dôi thừa nhân lực lao động thủ công hoặc thất nghiệp. Ở Việt Nam chưa đặt ra nghĩa vụ xã hội của doanh nghiệp như là một điều kiện cần thiết để kinh doanh của chủ thể. Chẳng hạn, doanh nghiệp kinh doanh địa ốc phải có nghĩa vụ xã hội trong giải quyết vấn đề tăng dân số khu vực, cơ sở hạ tầng phục vụ đi kèm như giao thông, trường học, bệnh viện, trung tâm thương mại đi kèm. Theo báo cáo mới nhất của ILO công bố tháng 7/2019³⁵ cho thấy Việt Nam có đến 70% lao động trong các ngành nghề sản xuất có nguy cơ

³⁵ Nguồn: ILO, 2016, “ASEAN in transformation: How Technology is Changing Jobs and Enterprises”.

cao mất việc dưới tác động của những đột phá về công nghệ của Công nghiệp 4.0, trong đó có đến 86% lao động trong các ngành dệt may và giày dép có nguy cơ cao mất việc. Tỷ lệ rất lớn này sẽ chuyển thành con số tuyệt đối rất lớn vì dệt may và giày dép là các ngành đang tạo việc làm cho nhiều lao động (khoảng gần 2,3 triệu người, trong đó khoảng 78% là lao động nữ làm việc trong ngành dệt may; giày dép - 0,98 triệu người, trong đó có khoảng 74% là lao động nữ làm việc trong ngành giày dép; lao động trong hai ngành chiếm 6,2% tổng lực lượng lao động và 13,7% việc làm phi nông nghiệp). Trong số đó có nhiều lao động ít kỹ năng (tương ứng là 17% và 26% lao động dệt may và giày dép chỉ có trình độ tiểu học) và một tỷ lệ đáng kể không còn trẻ, từ 36 tuổi trở lên: 35,84% đối với dệt may và 25,37% đối với giày dép³⁶.

Một là, cần nghiên cứu thực tế phát triển của công nghệ để dự báo, xây dựng danh mục cụ thể cho từng lĩnh vực, loại hình mới và đề xuất những phương án, đề xuất những chính sách quản lý nhà nước cho xác thực, linh hoạt. Bên cạnh đó, nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách về thuế, tài chính nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho các hoạt động đổi mới công nghệ, nghiên cứu phát triển và đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ thông tin và các công nghệ khác theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Hai là, tăng cường trách nhiệm phối hợp của các cơ quan quản lý như Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước...; các công ty viễn thông về đăng ký website sàn thương mại điện tử, đăng ký tên miền, thuê máy chủ, thuê đường truyền dẫn, thanh toán qua ngân hàng. Bên cạnh đó, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đề xuất lồng ghép các quy định về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế của các bên là điều kiện để thực hiện các giao dịch điện tử khi ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thương mại điện tử, kinh tế số.

Ba là, từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách về quản lý thuế, cơ chế quản lý kinh tế số theo thông lệ quốc tế; cơ chế đăng ký thuế, kê khai, nộp thuế và phân loại sản phẩm, dịch vụ trong thương mại điện tử.

Bốn là, hiện đại hóa quản lý thuế trên nền tảng công nghệ thông tin, kết nối mạng với doanh nghiệp, với người lao động và người tiêu dùng để vừa kiểm soát tốt các hoạt động kinh tế, chống thất thu ngân sách nhà nước, vừa thuận lợi hóa các thủ tục hành chính thuế, tạo điều kiện thuận lợi trong thực hiện nghĩa vụ thuế như xây dựng cơ sở dữ liệu riêng để quản lý các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử. Triển khai cơ chế một cửa quốc gia và quốc tế, trước mắt là tổ chức, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Năm là, tăng cường công tác rà soát, thanh tra các đối tượng mới phát sinh từ hoạt động kinh doanh qua mạng không có cơ sở thường trú tại Việt Nam để xây dựng cơ chế quản lý phù

³⁶ Nguồn: Tính toán trên cơ sở số liệu của Điều tra lao động và việc làm.

hợp với thông lệ quốc tế, chống thất thu thuế. Thực hiện áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế, tổng hợp các hành vi trốn tránh thuế phổ biến của người nộp thuế, phân loại người nộp thuế theo các nhóm điển hình để có các biện pháp quản lý thuế phù hợp.

Sáu là, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ thuế bảo đảm làm chủ công nghệ quản lý thuế hiện đại, tiên tiến; đào tạo về kỹ năng khai thác dữ liệu điện tử, về công nghệ thông tin để phục vụ hoạt động thanh tra, giảm thời gian thanh tra tại các cơ sở kinh doanh; tổ chức đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng thanh tra, kiểm tra bằng phương pháp máy tính cho các công chức. Đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách chế độ thuế, nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế.

Bảy là, Áp dụng các biện pháp pháp lý và kinh tế bắt buộc trong kinh doanh thương mại gắn với bảo vệ, phát triển môi trường bền vững. Theo đó, các biện pháp pháp lý thể hiện tính kiểm soát và bắt buộc gồm: hình thành hệ tiêu chuẩn sản phẩm hàng hóa; qui định bắt buộc các tiêu chuẩn về sản xuất, chế biến, tiêu chuẩn xác định mức độ ô nhiễm; các tiêu chuẩn cấm xuất, nhập khẩu các hàng hóa độc hại hoặc gây nguy hại cho sức khỏe con người; hạn chế xuất, nhập khẩu các nguồn tài nguyên thiên nhiên để bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững; các yêu cầu về hình thức sản phẩm, thương hiệu như bao bì, nhãn mác. Các biện pháp kinh tế áp dụng như đánh thuế cao đối với sản phẩm độc hại cho sức khỏe, thu phí đối với sản phẩm phế thải hoặc các biện pháp giá cả theo loại sản phẩm hoặc trợ cấp nguồn kinh phí cho bảo vệ môi trường./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Al. Ries - Jack trout: The 22 Immutable Laws of (22 qui luật bất biến trong Marketing), Phạm Đoan Trang và Lê Khánh Vy dịch, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2018.
- [2] Đường Nhất Thần: MiniSo Cuộc cách mạng bán lẻ toàn cầu, dịch giả Mạc Phong, NXB Hồng Đức, 2018
- [3] TS. Lê Danh Vĩnh, Hoàng Xuân Bắc, Nguyễn Ngọc Sơn: Pháp luật cạnh tranh tại Việt Nam, NXB Tư pháp 2006
- [4] Klaus Schwab: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Bộ ngoại giao dịch và hiệu đính, H, 2018
- [5] ILO, 2016, “ASEAN in transformation: How Technology is Changing Jobs and Enterprises”.